

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101/2026/HNGĐ - ST**
Ngày 27- 05 - 2026.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 -
Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng
Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày
13 tháng 01 năm 2026, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 và
Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm
2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thanh T**, sinh năm 1992. Căn cước công dân số:
075192025222. Nơi cư trú: **ấp H, xã T, thành phố Đ.**

- Bị đơn: Ông **Phùng Thanh V**, sinh năm 1987. Căn cước công dân số:
094087000623. Nơi cư trú: **ấp H, xã T, thành phố Đ.**

(Bà **T** đề nghị xét xử vắng mặt, ông **V** vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà
Trương Thanh T trình bày:**

Bà **Trương Thanh T** và ông **Phùng Thanh V** tự nguyện chung sống vợ chồng
có đăng ký kết hôn và được **UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai** (nay là **UBND
xã T, thành phố Đ**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 15/07/2011.

Bà **T** và ông **V** mâu thuẫn đã nhiều năm nay, nguyên nhân do vợ chồng bất
đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên xảy cãi vã. Ông **V** thiếu sự quan tâm,
chăm sóc gia đình, thiếu tôn trọng bà **T**, mọi việc trong gia đình từ chăm sóc các
con đến vấn đề kinh tế đều do một mình bà **T** đứng ra lo liệu. Bà và ông **V** đã sống

ly thân khoảng hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà **T** xác định không còn tình cảm yêu thương dành cho ông **V** nữa, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông **Phùng Thanh V**.

Về con chung: Bà **T** trình bày bà **T** và ông **V** có hai con chung là **Phùng Phương T1**, sinh ngày 26/11/2011 và **Phùng Thiên V1**, sinh ngày 14/10/2014. Khi ly hôn, bà **T** đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu ông **V** phải cấp dưỡng tiền cho bà **T** nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà **T** cam kết bà và ông **V** không có nợ chung.

*** Ông **Phùng Thanh V** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng ông **Phùng Thanh V** không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày.**

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà **Trương Thanh T** được ly hôn với ông **Phùng Thanh V**. Về con chung: Giao cho bà **Trương Thanh T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là **Phùng Phương T1**, sinh ngày 26/11/2011 và **Phùng Thiên V1**, sinh ngày 14/10/2014. Bà **T** không yêu cầu ông **V** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà **Trương Thanh T** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Phùng Thanh V** hiện đang cư trú tại địa chỉ **ấp H, xã T, thành phố Đ** và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

[1.2] Bà **Trương Thanh T** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt;

ông **Phùng Thanh V** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa bà **Trương Thanh T** và ông **Phùng Thanh V** là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi bà **Trương Thanh T** đoàn tụ với ông **Phùng Thanh V** nhưng bà **T** vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, tôn trọng dành cho nhau nữa.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông **Phùng Thanh V** đến Tòa án để làm việc để vận động hàn gắn đoàn tụ giữa bà **Trương Thanh T** và ông **Phùng Thanh V** nhưng ông **Phùng Thanh V** không chấp hành, vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Chứng tỏ ông **Phùng Thanh V** cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà. Mặt khác, bà **T** và ông **V** đã sống ly thân khoảng hai năm nay, không có sự quan tâm, chia sẻ giữa vợ chồng với nhau.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà **Trương Thanh T** và ông **Phùng Thanh V** đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, cần chấp nhận cho bà **Trương Thanh T** được ly hôn với ông **Phùng Thanh V**.

[2.2] Về con chung:

Bà **Trương Thanh T** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là **Phùng Phương T1**, sinh ngày 26/11/2011 và **Phùng Thiên V1**, sinh ngày 14/10/2014. Ông **Phùng Thanh V** không có ý kiến, tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cháu **Phùng Phương T1** và cháu **Phùng Thiên V1** hiện đang cư trú cùng với bà **T** và đều có nguyện vọng được ở cùng với bà **T**. Do đó, tiếp tục giao cho bà **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung **Phùng Phương T1** và **Phùng Thiên V1** là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà **T** không yêu cầu ông **V** phải cấp dưỡng tiền cho bà **T** nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông

V không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, ông V không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trương Thanh T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thanh T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thanh T được ly hôn với ông Phùng Thanh V.

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phùng Phương T1, sinh ngày 26/11/2011 và Phùng Thiên V1, sinh ngày 14/10/2014.

Tạm thời, bà Trương Thanh T không yêu cầu ông Phùng Thanh V phải cấp dưỡng tiền cho bà Trương Thanh T nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Phùng Thanh V.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Trương Thanh T** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000583 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự **thành phố Đ**). Bà **Trương Thanh T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Tân An, Tp. Đồng Nai;
- (Giấy chứng nhận KH số 62 ngày 15/07/2011);
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Tân An, thành phố Đồng Nai;
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh